

Bản án số: 496/2021/HS-PT

Ngày: 10 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Quách Đức Dũng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số 497/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HSST ngày 17-9-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 503/2021/QĐXXPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Bị cáo: Nguyễn Đ, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1991 tại thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Số 36 đường Q, tổ Y, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Nh và con bà Nguyễn Thị M; có vợ tên Huỳnh Thị Thu H1 và có 02 con; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/11/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hữu Quyết Th, Luật sư - Văn phòng luật sư T1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt;

Bị hại: Anh Trần Ngọc A, sinh năm 1983; trú tại: Số 280/17 đường H2, phường B, quận H3, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Phước C, Luật sư – Công ty Luật TNHH Đ1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Văn B1, sinh năm 1957; trú tại: Khối phố 2, thị trấn H3, huyện T4, tỉnh Quảng Nam, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Chiếc xe ô tô biển số 43A-509.24 do Nguyễn Đ đứng tên chủ sở hữu đã được Đ đăng ký thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng TMCP T2 – Chi nhánh Đà Nẵng vào ngày 12/11/2019 với số tiền 860.000.000đ, nợ gốc tính đến ngày 15/7/2020 còn 788.333.335 đồng, lãi phải trả tính đến ngày 15/7/2020 là 296.302.376 đồng; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiện Ngân hàng T2 đang quản lý, Đ được quyền quản lý và khai thác sử dụng xe ô tô nêu trên.

Mặc dù giấy tờ xe do Ngân hàng đang quản lý, nhưng vào khoảng tháng 4/2020, Nguyễn Đ thông qua một trang web mạng xã hội đã đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 43A-509.24 đứng tên Đ với giá 3.000.000đ để lừa đảo người khác chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Sau khi có được giấy tờ xe giả, vào ngày 15/4/2020 Đ đem xe cùng giấy đăng ký xe giả đến cầm cho anh Huỳnh Vũ Q1 lấy số tiền 550.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng. Số tiền này, Đ sử dụng tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Để có tiền tiêu xài tiếp, ngày 15/5/2020, Đ thỏa thuận bán chiếc xe trên cho anh Trần Ngọc A với giá 700.000.000đ, Đ hẹn anh Trần Ngọc A và anh Huỳnh Vũ Q1 đến Văn phòng công chứng Đ2, tại thị xã Đ3, tỉnh Quảng Nam để anh Trần Ngọc A xem xe và hai bên thống nhất việc mua bán, và yêu cầu công chứng việc mua bán xe. Do không biết giấy đăng ký xe ô tô là giả nên Công chứng viên Phan Văn B1 đã chứng thực bằng Hợp đồng mua bán tài sản số 929 với giá trị ghi trong hợp đồng là 50.000.000đ. Tại Văn phòng công chứng anh Trần Ngọc A trả tiền mặt cho Đ 150.000.000đ và chuyển khoản hai lần tổng cộng số tiền 550.000.000đ theo yêu cầu của Đ vào số tài khoản 56610000193232 mang tên Huỳnh Vũ Q1 mở tại Ngân hàng TMCP P Việt Nam – Chi nhánh Hội An, để trả tiền cầm xe cho anh Q1 và anh Q1 trả lại xe và giấy tờ cho Đ, Đ giao xe và giấy chứng nhận đăng ký xe giả cho anh Trần Ngọc A. Số tiền 150.000.000đ Đ khai trả nợ cho một người tên Beo (không rõ lai lịch), nên không thu hồi được.

Ngày 10/6/2020, anh Trần Ngọc A đã đi nộp lệ phí trước bạ tại Chi cục Thuế quận H3 với số tiền 19.224.800đ và mang hồ sơ xe ô tô biển số 43A-509.24 đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng để làm thủ tục sang tên. Thấy nghi vấn về Giấy chứng nhận đăng ký xe số 084166, cấp ngày 08/11/2019 là giả nên Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng đã lập biên bản thu giữ các giấy tờ có liên quan của anh Trần Ngọc A.

Sau khi gây án, Đ bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 12/11/2020 Đ đến Công an phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 084166, cấp ngày 08/11/2019;

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Vinfast, model Lux A 2.0 màu đen, BKS 43A-509.24 (đã giao Ngân hàng T2 bảo quản chờ xử lý).

- 01 (một) Hợp đồng mua bán tài sản số 929 ký ngày 15/5/2020 có chứng thực của Văn phòng công chứng Đ2, Quảng Nam.

Tại Kết luận giám định số 74 ngày 31/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 084166 mang tên Nguyễn Đ cấp ngày 08/11/2019 là giả.

Tại Kết luận giám định số 51 ngày 02/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận: Dấu in vân tay dưới mục “Bên bán” trong hợp đồng mua bán tài sản ký ngày 15/5/2020 có chứng thực của Văn phòng công chứng Đ2, Quảng Nam so với dấu in vân tay tại ô “Trở phải” trên chỉ bản số 201594308 ghi tên Nguyễn Đ, nơi ĐKNKTT: Tổ 18 phường H, quận N, Đà Nẵng là dấu vân tay của cùng một người.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 58 ngày 22/4/2021 của Hội đồng định giá trong TTHS thành phố Đà Nẵng kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast BKS 43A-509.24 có trị giá là 1.305.226.600 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HSST ngày 17-9-2021 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 24/TB-TA ngày 12/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Nguyễn Đ 10 (Mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (Bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/11/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2021, bị cáo Nguyễn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/9/2021, bị hại Trần Ngọc A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về vấn đề bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Đ trình bày giữ nguyên kháng cáo. Bị hại Trần Ngọc A và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại vắng mặt nhưng có đơn đề nghị ghi ngày 28/11/2021 và giấy xác nhận đề ngày 26/11/2021 thể hiện “bị hại nhận số tiền bồi thường thêm của bị cáo là 50.000.000đ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Bị hại vắng mặt nhưng có tài liệu thể hiện đã nhận thêm số tiền bồi thường của bị cáo là 50.000.000đ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại

phiên tòa xét xử phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm

Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo Nguyễn Đ bổ sung: Quan hệ giữa bị cáo với anh Q1 là thỏa thuận mượn tiền, nên bị cáo không phạm tội đối với bị hại là anh Q1 với số tiền 550.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn nhận tội, đã tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại được 50.000.000đ và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa xét xử bị cáo đều thừa nhận do không có tiền nên đã làm giấy tờ giả để đi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại Quốc. Đây là hành vi gian dối. Thực tế khi đến hẹn với anh Q1, bị cáo hoàn toàn không có tiền để trả cho anh Q1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 01/10/2021, bị cáo Nguyễn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 27/9/2021, bị hại Trần Ngọc A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về vấn đề bồi thường. Như vậy, kháng cáo của bị cáo và bị hại là trong thời hạn luật định. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và của bị hại:

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Đ nhận tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Xe ô tô biển kiểm soát 43A-509.24 do Nguyễn Đ đứng tên chủ sở hữu. Ngày 12/11/2019, Nguyễn Đ thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP T2-Chi nhánh Đà Nẵng và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 43A-509.24 đứng tên Nguyễn Đ hiện do Ngân hàng TMCP T2-Chi nhánh Đà Nẵng đang quản lý. Để có tiền tiêu xài cá nhân, tháng 4 năm 2020 Nguyễn Đ đã liên hệ thông qua mạng Internet đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 43A-509.24 mang tên Nguyễn Đ nhằm mục đích dùng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể: Sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 43A-509.24 giả, ngày 15/4/2020 Nguyễn Đ mang đến cầm cho anh Huỳnh Vũ Q1 lấy 550.000.000đ và chiếm đoạt. Ngày 15/5/2020, Nguyễn Đ tiếp tục dùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 43A-509.24 giả để chuyển nhượng qua công chứng cho anh Trần Ngọc A lấy 700.000.000đ và chiếm đoạt. Như vậy, Nguyễn Đ đã chiếm đoạt của hai bị hại với

tổng số tiền là 1.250.000.000đ. Với hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng tội.

[2.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Đ đã giam đôi dùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 43A-509.24 giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của hai bị hại với số tiền 1.250.000.000đ, nên phạm vào khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo còn có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức để thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nên phạm vào khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Ngoài tình tiết định khung hình phạt của hai tội, bị cáo còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức và của cá nhân, gây ảnh hưởng đến xấu đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương.

Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích về tính chất hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ.

Tuy nhiên, ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay bị cáo và gia đình xuất trình giấy nhận tiền bồi thường của bị hại Trần Ngọc A xác nhận với số tiền 50.000.000đ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng đã rất tích cực tác động gia đình bồi thường thêm cho bị hại số tiền 50.000.000đ; vợ chồng bị cáo đã ly hôn và bị cáo phải nuôi dưỡng hai con nhỏ, nhân thân tốt. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo và tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi xét xử bị cáo có tình tiết mới về việc tích cực bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” giữ nguyên mức hình phạt là có căn cứ.

[2.3] Đối với nội dung bị hại Trần Ngọc A yêu cầu buộc bị cáo cùng Phòng công chứng Đ2 và Công chứng viên Phan Văn B1 liên đới bồi thường số tiền

600.000.000đ. Xét thấy: Điều 47; Điều 75 và Điều 62 Luật Công chứng quy định: “... Người yêu cầu công chứng phải xuất trình đủ giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó...”; “Người yêu cầu công chứng có hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, sử dụng giấy tờ, văn bản giả mạo, sửa chữa, tẩy xóa giấy tờ, văn bản trái pháp luật hoặc có hành vi gian dối khác khi yêu cầu công chứng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”; “... Cở sở dữ liệu công chứng bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương và ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng...”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc bị cáo Nguyễn Đ phải bồi thường cho bị hại là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Ngọc A.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Đ đã tiếp tục bồi thường cho bị hại Trần Ngọc A số tiền 550.000.000đ sau khi xét xử sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đ không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Ngọc A; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đ, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Đ 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/11/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Đ phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Trần Ngọc A số tiền 550.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm bồi thường thì phải chịu thêm khoản tiền lãi suất đối với đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất

chậm trễ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị hại Trần Ngọc A có quyền liên hệ với Chi cục Thuế quận H3 để nhận lại số tiền 19.224.800đ.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đ không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-CA thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Cường